SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Số: 01 /KH-KN

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
Đề án: Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2023

Căn cứ quyết định số 2666/QĐ- UBND ngày 20/11/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Văn bản số 1954/STC-HCSN ngày 15/9/2020 của Sở Tài chính, về việc kinh phí thực hiện Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ quyết định số 17/QĐ- SNN ngày 10/01/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Lâm Đồng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023.

Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2023 cụ thể như sau:

I. Mục tiêu

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ năm 2023 theo Quyết định 2666/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh, cụ thể:

- Phát triển sản xuất hữu cơ các loại cây trồng: rau, củ, cây ăn quả, lúa, chè, cà phê, điều, nấm đạt chuẩn hữu cơ với diện tích 575 ha, sản lượng 4.684,5 tấn; phát triển chăn nuôi bò thịt đạt chuẩn hữu cơ quy mô 150 con, sản lượng 18 tấn; đàn bò sữa hữu cơ 500 con, sản lượng sữa hữu cơ 1.250 tấn; gà đẻ trứng với trứng gà đạt chuẩn hữu cơ 9.000 con, sản lượng 1,44 triệu quả trứng/năm;

- Tổ chức 05 lớp tập huấn, triển khai 02 mô hình sản xuất hữu cơ và 01 mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sơ chế, bảo quản sản phẩm hữu cơ và hỗ trợ cấp 8 giấy chứng nhận sản phẩm đạt chuẩn hữu cơ;

- Xây dựng thành công thương hiệu cho 4 sản phẩm và hỗ trợ 3 tổ chức, cá nhân tham gia xúc tiến thương mại sản phẩm chính của tỉnh đã đạt chứng nhận sản xuất hữu cơ;

Scanned with CamScanner

- Hỗ trợ được 2 chuỗi liên kết sản xuất sơ chế, chế biến sản phẩm đạt chứng nhận sản xuất hữu cơ.

II. Nội dung và phương pháp thực hiện

1. Đào tạo, tập huấn, chuyển giao các quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ

- Nội dung tập huấn: Phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam, Tập huấn các quy trình sản xuất trồng trọt và chăn nuôi hữu cơ.

- Thời gian thực hiện: tháng 05 - tháng 11/2023.

- Phương pháp tập huấn: kết hợp lý thuyết và thực hành tại hiện trường.

- Đối tượng, thành phần: nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp.

- Giảng viên: Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng phối hợp với các đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp với nội dung đào tạo.

- Quy mô: 05 lớp (02 ngày/lớp); 40 người/lớp.

- Địa điểm tập huấn tại: Đơn Dương (01 lớp); Đam Rông (01 lớp); Di Linh (01 lớp); Tp. Bảo Lộc (01 lớp); Đạ Tẻh (01 lớp).

2. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ

- Nội dung: Xây dựng 02 mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ (01 mô hình chè và 01 mô hình gà đẻ trứng) và 01 mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sơ chế, bảo quản sản phẩm hữu cơ được chứng nhận để tham quan học tập, nhân rộng, cụ thể:

STT	Loại cây trồng	Số lượng mô hình	Quy mô/mô hình
1	Chè	01	05 ha
2	Gà đẻ trứng	01	500 con
3	Mô hình sơ chế, bảo quản ứng dụng CNC	01	01 (DN,HTX, THT)
Tổng cộng		03	

Danh sách cụ thể TTKN sẽ trình Sở NN và PTNT phê duyệt

(có đơn đăng ký và Biên bản chọn hộ kèm theo)

- Thời gian thực hiện: tháng 03 - tháng 12/2023.

- Các tiêu chí lựa chọn tham gia mô hình:

+ Các tổ chức, cá nhân khi tham gia xây dựng mô hình phải có quy mô diện tích đất tối thiểu đáp ứng yêu cầu trên.

+ Có đủ kinh phí dối ứng và nguồn nhân lực thực hiện mô hình

Scanned with CamScanner

- Phương pháp xây dựng mô hình:

+ Phương pháp triển khai chọn hộ:

Trung tâm Khuyến nông đã gửi công văn số 247/KN ngày 28/11/2022 về việc báo cáo tình hình thực hiện và kết quả phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện, thành phố năm 2022 và đề xuất mô hình hữu cơ năm 2023 để các đơn vị đăng ký thực hiện mô hình sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2023 đến các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Các địa phương rà soát lập danh sách các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện mô hình gửi Trung tâm Khuyến nông tiến hành tổng hợp.

Trung tâm Khuyến nông kiểm tra thực tế điều kiện sản xuất của các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia thực hiện mô hình. Nếu các tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ yêu cầu tham gia thực hiện mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, Trung tâm Khuyến nông sẽ tiến hành ký hợp đồng thực hiện mô hình đầy đủ các thủ tục theo quy định của nhà nước.

Bàn giao vật tư: Trung tâm Khuyến nông thực hiện đầy đủ các thủ tục mua vật tư theo kế hoạch được phê duyệt; thực hiện bàn giao các loại vật tư, đảm bảo tiêu chuẩn hữu cơ theo đúng tiến độ và yêu cầu thực hiện mô hình.

Kiểm tra theo dõi mô hình: Trung tâm Khuyến nông thường xuyên kiểm tra theo dõi, báo cáo tiến độ kịp thời mô hình.

Tổ chức hội thảo: Khi mô hình triển khai và có kết quả bước đầu thì sẽ tiến hành tổ chức tham quan, hội thảo đầu bờ tại điểm thực hiện mô hình; Số lượng: 45 người/cuộc/mô hình; Nội dung hội thảo là tham quan trao đổi, đánh giá hiệu quả, các ưu điểm và tồn tại của mô hình, từ đó tiếp tục phát huy các ưu điểm và hạn chế các tồn tại giúp bà con nông dân nhân rộng mô hình.

- Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ vật tư thiết yếu liên quan đến đầu vào sản xuất hữu cơ, gồm: phân hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc, bẫy côn trùng quản lý sinh vật hại, chế phẩm sinh học cải tạo đất, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng trong canh tác hữu cơ…

- Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% chi phí xây dựng 02 mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ đối với các sản phẩm chè, gà đẻ trứng và Ngân sách nhà nước hỗ trợ 40% chi phí 01 mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sơ chế, bảo quản sản phẩm hữu cơ được chứng nhận. Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng loại mô hình áp dụng theo điều 3, nghị quyết 186/2020/NQ-HĐND.

Scanned with CamScanner

3. Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận

- Nội dung: Hỗ trợ cấp 8 giấy chứng nhận cho các tổ chức, cá nhân đầu tư áp dụng sản xuất theo các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, tập trung tại các mô hình đã đầu tư năm 2022 gồm: mô hình cà phê hữu cơ, macca hữu cơ, dược liệu hữu cơ, bò thịt hữu cơ và một số mô hình hữu cơ được người dân phát triển nhân rộng.

- Thời gian thực hiện: năm 2023

- Hình thức và phương thức thực hiện:

+ Hình thức lựa chọn nhà thầu : Đấu thầu rộng rãi trong nước qua hệ thống đấu thầu quốc gia.

+ Phương thức thực hiện: Gói thầu nội dung chính là tư vấn quy trình và cấp chứng nhận hữu cơ do đó là gói thầu tư vấn. Áp dụng quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13; Gói thầu tư vấn có giá trị 964 triệu đồng, do đó áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước theo quy định tại Điều 54 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và Khoản 4, Điều 5 của Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: sau khi được phê duyệt kế hoạch thực hiện.

- Loại hợp đồng: Áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại sản phẩm hữu cơ

a) Xây dựng thương hiệu

- Nội dung: Hỗ trợ xây dựng 04 thương hiệu sản phẩm

- Thời gian thực hiện: tháng 03 – tháng 12/2023

- Phương thức hỗ trợ: nhà nước hỗ trợ 50% chi phí đăng ký thương hiệu, thiết kế bao bì sản phẩm và chi phí in ấn, phát hành bao bì sản phẩm.

- Điều kiện để được hỗ trợ: thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của các tổ chức, cá nhân xây dựng được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận hoặc chấp nhận đơn hợp lệ.

- Phương pháp thực hiện:

Trung tâm Khuyến nông gửi văn bản thông báo đăng ký nhu cầu hỗ trợ đăng ký thương hiệu, thiết kế bao bì sản phẩm và in ấn, phát hành bao bì sản phẩm đến các địa phương. Các tổ chức, cá nhân đăng ký gửi về Trung tâm Khuyến nông. Nếu đáp ứng đủ điều kiện để được hỗ trợ thì Trung tâm Khuyến nông sẽ liên hệ các tổ chức, cá nhân; chuẩn bị các điều kiện thủ tục cần thiết để được hỗ trợ.

Scanned with CamScanner

b) Xúc tiến thương mại sản phẩm hữu cơ

- Nội dung: hỗ trợ 03 cuộc xúc tiến thương mại cho các tổ chức, cá nhân sản xuất hữu cơ.

- Thời gian thực hiện: tháng 03 – tháng 12/2023

- Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí gian hàng tại nơi mở hội chợ, triển lãm.

- Điều kiện để được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân sản xuất hữu cơ đã được cấp giấy chứng nhận sản xuất hữu cơ.

- Thành phần tham gia: Tổ chức chủ trì (03 người); đơn vị tham gia: tùy thực tế đơn vị tham gia nhưng không quá 05 người.

- Phương pháp thực hiện:

Trung tâm Khuyến nông gửi văn bản thông báo đăng ký nhu cầu tham gia hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trong nước đến các địa phương. Các tổ chức, cá nhân gửi đăng ký về Trung tâm Khuyến nông, nếu đáp ứng đủ điều kiện tham gia thì Trung tâm khuyến nông sẽ liên hệ các tổ chức, cá nhân; chuẩn bị các điều kiện thủ tục cần thiết để tham gia.

5. Xây dựng các chuỗi liên kết

- Nội dung: Hỗ trợ xây dựng 02 chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm với người dân trong vùng qua đó phát triển, nâng cao diện tích sản xuất, sản lượng sản phẩm hữu cơ trên toàn tỉnh (ưu tiên hỗ trợ cho các tổ chức/cá nhân đã tham gia xây dựng các mô hình sản xuất hữu cơ theo Đề án).

- Thời gian thực hiện: tháng 03 – tháng 12 /2023

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết bao gồm: tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

- Điều kiện để được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm sản xuất hữu cơ.

- Phương pháp thực hiện:

Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng gửi văn bản thông báo đăng ký nhu cầu hỗ trợ xây dựng chuỗi liên kết các sản phẩm hữu cơ đến các địa phương trong tỉnh.

Các tổ chức, cá nhân gửi đăng ký về Trung tâm Khuyến nông, nếu đáp ứng đủ điều kiện để được hỗ trợ thì Trung tâm Khuyến nông sẽ thực hiện hỗ trợ.

Scanned with CamScanner

Trình tự thủ tục, công đoạn tư vấn thực hiện theo hướng dẫn số 546/SNN-KH ngày 20/4/2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Nghị quyết 118/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 10 năm 2022 của hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi hoàn thành việc tư vấn xây dựng dự án/kế hoạch liên kết (có biên bản nghiệm thu giữa các đơn vị liên quan: Trung tâm Khuyến nông, đơn vị nhận hỗ trợ, đơn vị tư vấn liên kết); Trung tâm Khuyến nông hướng dẫn chủ trì liên kết có văn bản đề nghị UBND cấp huyện, thành phố (đối với dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn huyện), hoặc trình Sở Nông nghiệp & PTNT (đối với dự án, kế hoạch liên kết quy mô liên huyện) để đề nghị phê duyệt dự án/kế hoạch và hỗ trợ kinh phí thực hiện.

Đối với dự án, kế hoạch thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp & PTNT, giao Trung tâm Khuyến nông chủ động đề xuất Sở bố trí kinh phí từ các nguồn kinh phí khác (Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, Đề án liên kết và tiêu thụ sản phẩm…) để hỗ trợ thực hiện dự án/kế hoạch liên kết theo quy định.

III. Kinh phí thực hiện

1. Đào tạo, tập huấn áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ

- Kinh phí nhà nước: 104.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm lẻ bốn triệu đồng chẵn)*

(Phụ lục 1.1 kèm theo)

2. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ

- Tổng kinh phí: 871.000. 000 đồng,
- Trong đó:

+ NSNN: 407.500.000 đồng *(Bốn trăm lẻ bảy triệu năm trăm ngàn đồng)*

+ Dân góp: 463.500.000 đồng *(Bốn trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng)*

(Phụ lục 1.2 kèm theo)

3. Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận

- Kinh phí nhà nước: 989.200.000 đồng

(Bằng chữ: Chín trăm tám mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng)

(Phục lục 1.3 kèm theo)

4. Xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại sản phẩm hữu cơ

a) Xây dựng thương hiệu

- Tổng kinh phí: 200.000.000 đồng,

Scanned with CamScanner

- Trong đó:

+ NSNN: 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*

+ Dân góp: 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*

(Phụ lục 1.4 kèm theo)

b) Xúc tiến thương mại sản phẩm hữu cơ

- Tổng kinh phí: 150.000.000 đồng,

- Trong đó:

+ NSNN: 75.000.000 đồng *(Bảy mươi lăm triệu đồng)*

+ Dân góp: 75.000.000 đồng *(Bảy mươi lăm triệu đồng)*

(Phụ lục 1.4 kèm theo)

5. Xây dựng các chuỗi liên kết

- Kinh phí nhà nước: 100.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn)

(Phụ lục 1.4 kèm theo)

6. Kinh phí quản lý: 154.300.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi bốn triệu, ba trăm ngàn đồng)*

(Phụ lục 1.5 kèm theo)

- Tổng kinh phí thực hiện năm 2023: 2.568.500.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 1.930.000.000 đồng

+ Tổ chức, cá nhân đối ứng: 638.500.000 đồng

(Phụ lục 1 kèm theo)

IV. Dự kiến kết quả

- Tổ chức thành công 05 lớp tập huấn về quy trình sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi phổ biến trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, phổ biến các kiến thức về hữu cơ đến 200 lượt cán bộ, nông dân. Từ đó, người dân tiếp cận được với quy trình sản xuất hữu cơ và áp dụng được vào sản xuất.

- Xây dựng thành công 02 mô hình về sản xuất hữu cơ trên các loại sản phẩm chè, gà đẻ trứng, 01 mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sơ chế, bảo quản sản phẩm để người dân trong vùng tham quan, học tập và nhân rộng.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân cấp thành công 8 giấy chứng nhận sản phẩm đạt chuẩn hữu cơ trên các đối tượng cây trồng chủ lực của tỉnh.

Scanned with CamScanner

- Xây dựng thành công thương hiệu cho 4 sản phẩm hữu cơ.

- Hỗ trợ thành công cho 3 tổ chức, cá nhân tham gia xúc tiến thương mại sản phẩm chính của tỉnh đã đạt chứng nhận sản xuất hữu cơ; từ đó tạo đầu ra cho sản phẩm.

- Hỗ trợ thành công được 02 chuỗi liên kết sản xuất sơ chế, chế biến sản phẩm đạt chứng nhận sản xuất hữu cơ.

V. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Trung tâm Khuyến nông

Là cơ quan chủ trì tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng triển khai các nội dung của đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch triển khai đề án năm 2023.

- Trên cơ sở đơn đăng ký của các tổ chức cá nhân, phối hợp với các đơn vị liên quan, các địa phương tiến hành rà soát, đánh giá lựa chọn các tổ chức, cá nhân đăng ký hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản xuất hữu cơ và các tổ chức, cá nhân đăng kỷ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ trình Sở phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện, quản lý, thanh quyết toán kinh phí theo đúng chế độ chi tiêu hiện hành.

- Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện; chịu trách nhiệm đối với hiệu quả triển khai thực hiện đề án và các quy định liên quan đến giải ngân nguồn kinh phí.

- Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án về Sở Nông nghiệp và PTNT để kịp thời chỉ đạo.

2. Đơn vị phối hợp

a) Đối với UBND các huyện, thành phố

- Chủ động thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ theo quyết định số 2666/QĐ- UBND ngày 20/11/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Thông tin tuyên truyền về các chủ trương, chính sách, định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ của ngành; vận động người dân tham gia Đề án và chủ động chuyển đổi các diện tích sản xuất phù hợp sang sản xuất hữu cơ.

- Phối hợp Sở NN và PTNT triển khai đào tạo, tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật, cơ chế chính sách về sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi tại địa phương.

Scanned with CamScanner

- Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp/ Kinh tế và Trung tâm Nông nghiệp tham gia phối hợp với Trung tâm Khuyến nông để triển khai đề án.

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát nghiệm thu các mô hình triển khai tại địa phương và phối hợp tuyên truyền nhân rộng các mô hình vào sản xuất.

- Thông báo, lựa chọn và hướng dẫn các đơn vị có nhu cầu cấp chứng nhận sản xuất nông nghiệp hữu cơ thực hiện các thủ tục đề nghị hỗ trợ theo quy định.

- Thông báo, lựa chọn và hướng dẫn các đơn vị có nhu cầu xây dựng thương hiệu hữu cơ, xúc tiến thương mại các sản phẩm hữu cơ, xây dựng chuỗi liên kết hữu cơ thực hiện các thủ tục đề nghị hỗ trợ theo quy định.

b) Các chi cục Trồng trọt & BVTV, Chăn nuôi Thú y & Thủy sản

- Tham mưu quản lý nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách.

c) Phòng Kế hoạch – Tài chính

Tham mưu cho lãnh đạo Sở trong công tác theo dõi, chỉ đạo triển khai thực hiện đề án tại các địa phương, đơn vị đồng thời trên cơ sở đề xuất của Trung tâm Khuyến nông, tham mưu lãnh đạo Sở phê duyệt các nội dung sau:

- Danh sách tổ chức cá nhân nhận hỗ trợ sản xuất chứng nhận hữu cơ và hộ tham gia thực hiện các mô hình sản xuất hữu cơ.

- Các nội dung liên quan đến công tác lựa chọn nhà thầu (nếu có).

- Định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh năm 2023.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

Trần Văn Tuận

Nơi nhận:
- Sở NN và PTNT;
- Phó Giám đốc phụ trách;
- Phòng KH- TC;
- CC BVTV, CNTY&TS;
- UBND các huyện, Tp;
- Lưu: VT.

Scanned with CamScanner

Phụ biểu: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HỮU CƠ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-KN ngày 08/2/2023 của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lâm Đồng)

Stt	Đối tượng	Kết quả năm 2021-2022		Mục tiêu năm 2023		Luỹ kế kết quả		Địa điểm
		Diện tích (ha, con)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha,con)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha,con)	Sản lượng (tấn)	
I	**Trồng trọt**	**1.334,21**	**2.886,50**	**575,00**	**4.684,50**	**1.769,21**	**7.571,00**	
1	Rau	53,24	1.259,0	105,0	2.730,0	158,2	3.989,0	Đà Lạt, Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà
2	Cây ăn quả	5,47	35,9	90,0	585,0	95,5	620,9	Đơn Dương, Di Linh, Đam Rông, Bảo Lộc, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh
3	Lúa	24,00	120,0	50,0	200,0	74,0	320,0	Đạ Teh, Cát Tiên
4	Chè	5,00	70,0	65,0	325,0	70,0	395,0	Đà Lạt, Lâm Hà, Bảo Lộc, Bảo Lâm, Di Linh
5	Cà phê	6,00	18,0	110,0	192,5	116,0	210,5	Đà Lạt, Lâm Hà, Bảo Lộc, Bảo Lâm, Di Linh, Đam Rông, Đức Trọng, Lạc Dương
6	Macca	3,60	18,0	75,0	150,0	78,6	168,0	Lâm Hà, Bảo Lộc, Bảo Lâm, Di Linh, Đam Rông
7	Điều	1.090,40	1.160,6	-	-	1.090,4	1.160,6	
8	Dược liệu			60,0	462,0	60,0	462,0	Đà Lạt, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương
9	Nấm	6,50	205,0	20,0	40,0	26,5	245,0	Đà Lạt, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương
10	Cỏ chăn nuôi	140,00						
II	**Chăn nuôi**	**1.005,00**	**5.200,0**	**9.650,0**	**1.268,0**	**1.655,0**	**6.468,0**	
1	Bò sữa	1.005,00	5.200,0	500,0	1.250,0	1.505,0	6.450,0	Đơn Dương, Di Linh, Bảo Lộc, Đức Trọng

Scanned with CamScanner

2	Bò thịt			150,0	18,0	150,0	18,0	Đơn Dương, Bảo Lâm, Bảo Lộc, Đức Trọng
3	Gà đẻ trứng			9.000,0	1,44 (triệu quả)			Lâm Hà, Di Linh, Đức Trọng

Scanned with CamScanner

Phụ biểu: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-KN ngày 8/2/2023 của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lâm Đồng)

Stt	Đối tượng	Địa phương												Diện tích (ha, con)	Sản lượng (Tấn)
		Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lâm	Bảo Lộc	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên		
I	**Trồng trọt**													**575,0**	**4.684,5**
1	Rau	25	20	20	30	10								105,0	2.730,0
2	Cây ăn quả				5		5	20	10	10	20	20		90,0	585,0
3	Lúa											20	30	50,0	200,0
4	Chè	10				10		10	25	10				65,0	325,0
5	Cà phê	10	10		15	30	10	20	10	5				110,0	192,5
6	Macca					20	20	20	10	5				75,0	150,0
7	Điều													-	-
8	Dược liệu	15	15	10	10	10								60,0	462,0
9	Nấm	7	5	3	5									20,0	40,0
10	Cỏ chăn nuôi														
II	**Chăn nuôi**													**650,0**	**1.268,0**
1	Bò sữa			250				250						500,0	1.250,0
2	Bò thịt			50	50				50					150,0	18,0
3	Gà đẻ trứng				3.000	3.000		3.000						9.000,0	1,44 (triệu quả)

Scanned with CamScanner

Phụ lục I. TỔNG HỢP NỘI DUNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NĂM 2023

(Kèm theo kế hoạch số01/KH-KN ngày 08 của Trung tâm Khuyến nông)

1.000 đồng

TT	Nội dung	Tổng kinh phí	Trong đó		
			Vốn ngân sách nhà nước	Vốn tổ chức, cá nhân đối ứng	Vốn tự thực hiện
I	**Kinh phí triển khai đề án**				
1.1	Đào tạo, tập huấn áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ; các tiêu chuẩn, quy chuẩn; quy trình chứng nhận hữu cơ,…cho các đối tượng tham gia	104.000	104.000	0	
1.2	Hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ	871.000	407.500	463.500	
1.3	Kinh phí cấp giấy chứng nhận lần đầu	989.200	989.200		
1.4	Kinh phí hỗ trợ xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại sản phẩm hữu cơ	350.000	175.000	175.000	
1.5	Hỗ trợ xây dựng chuỗi liên kết (tư vấn xây dựng liên kết)	100.000	100.000	0	
1.6	Kinh phí quản lý (08% kinh phí NSNN)	154.300	154.300		
Tổng cộng		**2.568.500**	**1.930.000**	**638.500**	**0**

Scanned with CamScanner

Phụ lục 1.1. DỰ TOÁN KINH PHÍ TẬP HUẤN

(Kèm theo kế hoạch số 01 /KH-KN ngày 08 của Trung tâm Khuyến nông)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Tập huấn (40 người/lớp/2 ngày)					
I	**Chi phí tổ chức lớp**				**50.000**	
1	Vật tư học tập		5	1.400	**7.000**	
2	Tiền ngủ giảng viên, ban tổ chức				**2.500**	
-	Di Linh, Đam Rông, Bảo Lộc	đêm	3	500	1.500	
-	Đạ Tẻh	đêm	2	500	1.000	
3	Tiền xe đi lại				**3.200**	Khoản 1, điều 1, Nghị quyết 186/2020/NQ-HĐND
-	Đơn Dương (01 lớp) (2 người x 2 ngày)	lượt	2	200	400	
-	Di Linh, Đam Rông, Bảo Lộc (3 lớp) (2 người)	lượt	6	300	1.800	
-	Đạ Tẻh (01 lớp) (2 người)	lượt	2	500	1.000	
4	Hội trường	ngày	10	1.000	**10.000**	
5	Giảng viên	ngày	10	1.200	**12.000**	
6	Giải khát giữa giờ (4 buổi)	người	400	30	**12.000**	
7	Công tác phí (2 người)	ngày	11	300	**3.300**	
II	**Chi phí cho học viên**				**54.000**	Khoản 2, điều 1, Nghị quyết 186/2020/NQ-HĐND
1	In ấn tài liệu	Bộ	200	10	2.000	
2	Vở, bút	Bộ	200	15	3.000	
3	Tiền ăn học viên (không hưởng lương)	ngày	300	130	39.000	
4	Hỗ trợ chi phí đi lại	người	200	50	10.000	Theo thực tế
Tổng cộng (I)+ (II)					**104.000**	

Scanned with CamScanner

Phụ lục 1.2. DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT HỮU CƠ

(Kèm theo kế hoạch số 01 /KH-KN ngày 09 của Trung tâm Khuyến nông)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí thực hiện		
					Tổng cộng	NSNN	Đối ứng
I	**Hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ**						
1	**Mô hình trồng chè hữu cơ**	**Mô hình**	**1**		**85.714**	**60.000**	**25.714**
	- Đá vôi	kg	600	3	1.800	1.260	540
	- Phân hữu cơ hoai mục	tấn	25	2.500	62.500	43.750	18.750
	- Phân hữu cơ vi sinh	lít	25	700	17.500	12.250	5.250
	- Thuốc trừ sâu vi sinh, sinh học	lít	3	600	1.800	1.260	540
	- Thuốc trừ bệnh sinh học	lít	3	705	2.114	1.480	634
2	**Mô hình nuôi gà đẻ trứng hữu cơ** (Hỗ trợ không quá 55.000 đồng/con; số lượng hỗ trợ không quá 500 con/mô hình ,)	**Mô hình**	**1**		**39.286**	**27.500**	**11.786**
	- Thức ăn	Kg	3.500	11	39.286	27.500	11.786
3	**Mô hình ứng dụng công nghệ cao trong chế biến và đóng gói sản phẩm nấm hữu cơ**	**Mô hình**	**1**		**726.000**	**300.000**	**426.000**
3.1	**Chi phí mua hệ thống máy**				**710.000**	**284.000**	**426.000**
	Hệ thống chiên chân không (30kg/1 mẻ)	hệ thống	1	480.000	480.000	192.000	288.000
	Hệ thống đóng gói hút chân không và bơm khí Nitơ (50kg/ giờ)	hệ thống	1	230.000	230.000	92.000	138.000
3.2	**Chi phí liên quan đến công tác lựa chọn nhà thầu**			**16.000**	**16.000**	**16.000**	**-**
II	**Tổ chức hội thảo đầu bờ để tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, nhân rộng các mô hình**		**2**		**20.000**	**20.000**	
	- Thuê hội trường	ngày/hội trường	1	1.000	1.000	1.000	

Scanned with CamScanner

	- Báo cáo viên, giảng viên	người/buổi	2	600	1.200		1.200	
	- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng không hưởng lương	người/ngày	45	130	5.850		5.850	
	- Tiền nước uống hội thảo	người/buổi	45	20	900		900	
	- Tiền công tác phí	người/ngày	2	180	360		360	
	- Tiền ngủ	người/ngày	2	200	400		400	
	- Tiền xe	người/lượt			290		290	
Tổng cộng					**871.000**	**407.500**		**463.500**

Ghi chú:

Đơn giá phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư được Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn xây dựng trên cơ sở tham khảo

Scanned with CamScanner

Phụ lục 1.3: DỰ TOÁN KINH PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

(Kèm theo kế hoạch số 01 /KH-KN ngày 08 của Trung tâm Khuyến nông)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí
1	Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận lần đầu	Chứng nhận	8	120.500	**964.000**
2	Chi phí liên quan đến công tác lựa chọn nhà thầu				**25.200**
TỔNG KINH PHÍ					**989.200**

Scanned with CamScanner

Phụ lục 1.4. DỰ TOÁN KINH PHÍ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM HỮU CƠ

(Kèm theo kế hoạch số 04 /KH-KN ngày 08 của Trung tâm Khuyến nông)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá	Năm 2023	
				NSNN	ĐU
1	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu	4	50.000	100.000	100.000
2	Hỗ trợ Xúc tiến thương mại	3	50.000	75.000	75.000
3	Hỗ trợ xây dựng chuỗi liên kết (chi phí tư vấn xây dựng liên kết)	2	50.000	100.000	0
	TỔNG KINH PHÍ			**275.000**	**175.000**

Scanned with CamScanner

Phụ lục 1.5: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

(Kèm theo kế hoạch số 01 /KH-KN ngày 08 của Trung tâm Khuyến nông)

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	**Kinh phí quản lý của đơn vị thực hiện TTKN**				**96.550**	
1	**Kinh phí theo dõi mô hình năm 2022**				**12.300**	
-	Mô hình bò thịt (Đơn Dương)	lần	5	300	1.500	
-	Mô hình cà phê (Di Linh)	lần	5	650	3.250	
-	Mô hình Macca (Đam Rông)	lần	5	650	3.250	
-	Mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sơ chế, bảo quản sản phẩm hữu cơ	lần	3	1.100	3.300	
-	Mô hình dược liệu atiso (Đà Lạt)	lần	5	200	1.000	
2	**Công tác phí triển khai thực hiện mô hình (14 lần/mô hình x 3 mô hình)**	**lần**	**42**	**550**	**23.100**	
3	**Chi phí triển khai thực hiện cấp giấy chứng nhận**				**25.520**	
3.1	*Thuê xe đi công tác*				*16.900*	
-	Đà Lạt, Lạc Dương (đi về trong ngày)	lần	1	1.600	1.600	
-	Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng (đi về trong ngày, mỗi huyện 1 ngày)	lần	1	3.600	3.600	
-	Di Linh, Bảo Lộc, Bảo Lâm (1 lần đi 3 ngày) (2 chú	lần	1	4.500	4.500	
-	Đạ Huoai, Đạ Teh, Cát Tiên (1 lần đi 4 ngày)	lần	1	7.200	7.200	
3.2	*Tiền ngủ: (5đêm x 2 phòng/đêm x 250.000 đ/phòng)*	*Người*	*10*	*250*	*2.500*	
3.3	*Công tác phí (12 ngày x 3 người/ngày)*	*ngày*	*36*	*170*	*6.120*	
4	**Kiểm tra, nghiệm thu ….. đề án (TTKN) (3 lần)**			*0*	**29.670**	
-	*Phụ cấp lưu trú (3 người x 4 ngày/lần)*	*ngày*	*12*	*170*	*2.040*	
-	*Tiền ngủ (3 phòng x 3đêm/lần)*	*đêm*	*9*	*250*	*2.250*	
-	*Thuê xe đi lại (1 ngày/lần)*	*ngày*	*4*	*1.400*	*5.600*	
5	**Công tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện đề án**				**2.000**	
6	**Văn phòng phẩm, công ngoài giờ phục vụ đề án**			-	**3.960**	
II	**Kinh phí kiểm tra giám sát thực hiện đề án (Sở NN)**				**57.750**	
	Tổng cộng				**154.300**	

Scanned with CamScanner